

Số: 1157/TB-ĐHTN-ĐT

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 6 năm 2019

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT II - NĂM 2019**

Kính gửi:.....

Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt II năm 2019 như sau:

1. Thời gian thi; Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Ngày thi đợt II: Thứ Bảy, ngày 21 tháng 9 và Chủ Nhật, ngày 22 tháng 9 năm 2019.
- Hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung 2,0 năm. Riêng các ngành đào tạo tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Trường Đại học Y-Dược và một số ngành đào tạo theo định hướng thạc sĩ ứng dụng của một số cơ sở đào tạo có thời gian đào tạo 1,5 năm.

2. Môn thi tuyển; Ngành đào tạo; Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

2.1. Các môn thi Cơ bản và Chủ chốt theo ngành đào tạo

TT	Ngành đào tạo thạc sĩ	Môn thi		Chỉ tiêu	Trường ĐH quản lý ngành đào tạo
		Cơ bản	Chủ chốt		
1	Toán Giải tích	Toán giải tích	Đại số	15	Liên hệ, nộp hồ sơ, ôn tập tại Trường Đại học Sư phạm; ĐT. 0208 3855785; Tổng chỉ tiêu: 399
2	Đại số và lí thuyết số			8	
3	LL&PPDH Bộ môn Toán	Toán cơ sở	LL&PPDH bộ môn Toán	10	
4	Hóa vô cơ	Hóa học vô cơ - hữu cơ	Hóa học cơ sở	12	
5	Hóa phân tích			15	
6	Hóa hữu cơ			15	
7	Di truyền học	Sinh học đại cương	Tế bào - di truyền	14	
8	Sinh học thực nghiệm			12	
9	Sinh thái học			15	
10	LL&PPDH Bộ môn Sinh học			20	
11	LL&PPDH Bộ môn Văn - T. Việt	Văn học	LL&PPDH BM Văn-T.Việt	12	
12	Văn học Việt Nam	Triết học	Văn học Việt Nam	31	
13	Ngôn ngữ Việt Nam		Ngôn ngữ đại cương	14	
14	Lịch sử Việt Nam		Lịch sử Việt Nam	25	
15	Địa lý học (Địa lý kinh tế - xã hội)		Địa lý cơ sở	Giáo dục đại cương	
16	Địa lý tự nhiên	10			
17	LL&PPDH Bộ môn Địa lý	29			
18	Quản lý giáo dục	30			
19	Giáo dục học	11			
	Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)	22			
20	LL&PPDH Bộ môn LL Chính trị	Toán Vật lí	Chủ nghĩa XH khoa học	17	
21	LL&PPDH Bộ môn GD Thể chất		LL&PPDH GD Thể chất	10	
22	LL&PPDH Bộ môn Vật lý	Vật lý cơ sở	Sinh lý động vật	30	
23	Vật lý chất rắn			8	
24	Chăn nuôi			26	

TT	Ngành đào tạo thạc sĩ	Môn thi		Chỉ tiêu	Trường ĐH quản lý ngành đào tạo	
		Cơ bản	Chữ chốt			
25	Thú y	Toán cao cấp thống kê nông nghiệp		22	ôn tập tại Trường Đại học Nông Lâm. ĐT. 0208 3852925; Tổng chỉ tiêu: 365	
26	Khoa học cây trồng		Sinh lý thực vật	43		
27	Lâm học		Nguyên lí lâm sinh	64		
28	Quản lý đất đai		Toán cao cấp	Trắc địa		90
29	Khoa học môi trường		thống kê nông nghiệp	Cơ sở Khoa học môi trường		20
30	Phát triển nông thôn			Ng. lý phát triển nông thôn		20
31	Công nghệ sinh học			Sinh học phân tử		20
32	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế học	Kinh tế nông nghiệp	60	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp; ĐT. 0208 3847359; Tổng chỉ tiêu: 160	
33	Kỹ thuật cơ khí	Toán cao cấp I	Sức bền vật liệu	29		
34	Cơ kỹ thuật		Sức bền vật liệu	10		
35	Kỹ thuật điện tử		Cơ sở kỹ thuật điện	14		
36	Kỹ thuật viễn thông		Cơ sở kỹ thuật điện	15		
37	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Cơ sở kỹ thuật điện	27		
38	Kỹ thuật điện		Cơ sở kỹ thuật điện	38		
39	Kỹ thuật cơ khí động lực			Lý thuyết ô tô máy kéo	27	
40	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế học	Kinh tế nông nghiệp	10	Trường ĐH Kinh tế và Quản trị KD. ĐT: 0208 3547653. Tổng chỉ tiêu: 136	
41	Quản lý kinh tế		Quản trị học	106		
42	Quản trị kinh doanh		Nguyên lý kế toán	15		
43	Kế toán			5		
44	Y học dự phòng	Toán cao cấp (CC) thống kê	Vi sinh	15	Liên hệ, nộp HS tại Trường ĐH Y-Dược; ĐT. 0208 3858198; Tổng chỉ tiêu: 50	
45	Nội khoa		Sinh lý học	10		
46	Nhi khoa			10		
47	Ngoại khoa		Giải phẫu học	15		
48	Phương pháp toán sơ cấp	Cơ sở lý thuyết hàm số	Đại số	22	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường Đại học Khoa học; ĐT. 0208 3903398 Tổng chỉ tiêu: 117	
49	Toán ứng dụng					15
50	Công nghệ sinh học	Tế bào học	Sinh học phân tử	15		
51	Hóa phân tích	Hóa học cơ bản	Cơ sở lý thuyết Hóa học	15		
52	Văn học Việt Nam	Triết học	Văn học Việt Nam	15		
53	Quang học	Giải tích cho Vật lí	Cơ sở cơ học lượng tử	10		
54	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khoa học Trái đất	Cơ sở quản lý tài nguyên và môi trường	18		
55	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PP luận Sử học	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	7	Liên hệ, nộp HS tại Trường ĐH CN thông tin và Truyền thông; ĐT. 0208 3904338; Tổng chỉ tiêu: 97	
56	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán cho điều khiển	Lý thuyết điều khiển tự động	18		
57	Khoa học máy tính	Toán rời rạc	Tin học cơ sở	45		
58	Kỹ thuật viễn thông	Xác suất thống kê và quá trình ngẫu nhiên	Thông tin số	19		
59	Hệ thống thông tin quản lý	Quản lý nhà nước về kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý	15		
60	Ngôn ngữ Anh	Lý thuyết ngôn ngữ Anh	Kỹ năng thực hành Tiếng Anh	20	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Khoa Ngoại ngữ; ĐT. 0208 3648492; Tổng chỉ tiêu: 30	
61	Ngôn ngữ Trung Quốc	Lý thuyết ngôn ngữ Trung Quốc	Kỹ năng thực hành Tiếng Trung Quốc	10		

2.2. Môn Tiếng Anh (Tuyển sinh các ngành ghi trong bảng thuộc Mục 2.1, trừ 02 ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ trung Quốc)

a) Thi môn Tiếng Anh theo hình thức thi viết. Mức độ chuẩn kiến thức và dạng thức đề thi được xác định căn cứ vào yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và phù hợp với đối tượng tuyển sinh của Đại học Thái Nguyên.

b) Người thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo **toàn thời gian ở nước ngoài** bằng một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, đã được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng;

- Có bằng tốt nghiệp ĐH chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường ĐH của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học (TNDH) ngành ngôn ngữ nước ngoài một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh, hoặc chứng chỉ một trong các ngôn ngữ: Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức bậc 3/6 trở lên hoặc tương đương (*xem Phụ lục II, Thông tư số 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT*) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi ĐHTN hoặc cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép và công nhận.

- Có chứng nhận năng lực ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thi tại Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng Đại học Thái Nguyên trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng nhận đến ngày đăng ký dự thi trình độ thạc sĩ.

2.3. Môn thi Ngoại ngữ (Ngoại ngữ 2) tuyển sinh các ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc

a) Người đăng ký dự tuyển chọn và đăng ký dự thi 01 ngôn ngữ trong các ngôn ngữ sau (không trùng với ngôn ngữ thuộc chuyên ngành dự tuyển): Anh, Trung Quốc, Nga, Pháp.

b) Người có năng lực ngoại ngữ (không trùng với ngôn ngữ chuyên ngành đăng ký dự tuyển) thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn Ngoại ngữ 2:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, đã được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ GD&ĐT công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp ĐH chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường ĐH Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (*xem Phụ lục II, Thông tư số 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT*) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi trình độ thạc sĩ, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.



Handwritten signature

- Có chứng nhận năng lực ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt nam, thi tại Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng Đại học Thái Nguyên trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng nhận đến ngày đăng ký dự thi trình độ thạc sĩ.

3. Đối tượng và điều kiện dự thi

3.1. Về văn bằng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học (TNDH) ngành đúng, ngành phù hợp.

Người có bằng TNDH ngành đúng/ ngành phù hợp được phép đăng ký dự tuyển vào tất cả các chuyên ngành.

b) Nếu TNDH ngành gần thì cần học bổ sung chương trình kiến thức để đạt trình độ tương đương.

c) Nếu TNDH một số ngành khác có thể đăng ký dự tuyển các chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học chương trình bổ sung kiến thức (những ngành TNDH cụ thể thuộc ngành khác do thủ trưởng CSGDDHTV đề nghị Giám đốc ĐHTN xem xét quyết định).

d) Văn bằng ĐH do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng (trước đây là Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) - Bộ GD&ĐT công nhận.

3.2. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Các đối tượng được đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ **ngay sau** khi tốt nghiệp đại học ghi ở trong bảng dưới đây:

TT	Trường/Khoa	Điều kiện được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học	
		Ngành; Loại hình đào tạo	Kết quả - Xếp loại
1	Trường ĐH Sư phạm	Ngành đúng/ phù hợp	≥ 6,5 (niên chế)/ ≥ 2,2 (tín chỉ)
2	Trường Đại học Khoa học	Ngành đúng/ phù hợp/ ngành gần	Tốt nghiệp đại học
3	Trường ĐH CNTT và TT	Ngành đúng/ phù hợp/ ngành gần	Tốt nghiệp đại học
4	Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Ngành đúng/ phù hợp/ ngành gần	Tốt nghiệp đại học
5	Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp	Ngành đúng/ phù hợp/ ngành gần; CQ	Tốt nghiệp đại học
		Ngành đúng/ phù hợp; VLVH; bằng hai	≥ 6,5 (niên chế)/ ≥ 2,2 (tín chỉ)
6	Trường ĐH Nông Lâm	Ngành đúng/ phù hợp/ ngành gần	Tốt nghiệp đại học
7	Trường ĐH Y - Dược	Ngành đúng/ phù hợp	≥ 7,0 (niên chế)/ ≥ 2,5 (tín chỉ)
8	Khoa Ngoại ngữ	Ngành đúng/ phù hợp; CQ	Tốt nghiệp đại học
		Ngành đúng/ phù hợp; VLVH; bằng hai	≥ 6,5 (niên chế)/ ≥ 2,2 (tín chỉ)

b) Những đối tượng còn lại phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

3.3. Điều kiện đăng ký và dự tuyển ngành Quản lý giáo dục

a) Về văn bằng: Có bằng tốt nghiệp đại học (TNDH). Trừ người tốt nghiệp đại học ngành đúng, các đối tượng khác phải học chương trình bổ sung kiến thức của ngành trước

khi dự thi (nội dung và khối lượng kiến thức học bổ sung cho từng đối tượng dự tuyển do Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm quy định).

b) Về yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự tuyển: Đối tượng được dự thi ngay sau khi TNDH quy định bằng trên.

Người TNDH ngành gần phải có ít nhất 01 năm và nếu TNDH ngành khác phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục, tính từ ngày quyết định phân công công tác đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

Đối tượng dự tuyển: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn các trường từ mầm non đến phổ thông các cấp; trưởng khoa, phó trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, lãnh đạo, cán bộ quản lý và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của sở/ phòng GD&ĐT, phòng/ban đào tạo, giáo vụ, quản lý học sinh - sinh viên hoặc một số phòng/ban liên quan khác của các trường ĐH, cao đẳng, THCN và dạy nghề; cán bộ Đoàn từ ủy viên BCH Chi đoàn, cán bộ Đảng từ ủy viên ban Chi ủy, cán bộ Công đoàn từ ủy viên BCH công đoàn bộ phận trở lên của các trường từ mầm non đến phổ thông các cấp, các cơ sở đào tạo và dạy nghề; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội.

3.4. Điều kiện đăng kí và dự tuyển ngành Quản lý kinh tế; ngành Quản trị kinh doanh

a) Về văn bằng: Có bằng TNDH ngành đúng/ phù hợp, hoặc bằng TNDH thuộc nhóm ngành kinh tế, quản trị, quản lý, hoặc bằng TNDH ngành khác, đã học xong các học phần bổ sung kiến thức của ngành trước khi dự thi (nội dung, khối lượng học bổ sung do Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế và QTKD quy định).

b) Về yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự thi: Đối tượng được dự tuyển ngay sau khi TNDH nêu ở bảng trên.

Trường hợp có bằng TNDH ngành khác thì phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh tính từ ngày ký hợp đồng làm việc đến ngày nộp hồ sơ dự thi. Những người đăng kí dự tuyển phải đang làm việc trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, thuộc một trong các vị trí: lãnh đạo, chuyên viên hoặc các chức danh tương đương của các phòng/ sở/ ban/ ngành, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội.

3.5. Có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan có thẩm quyền hoặc phường, xã nơi cư trú xác nhận.

a) Có đủ sức khoẻ để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, thủ trưởng CSGDDHTV tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học, đề nghị Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh.

b) Nộp hồ sơ, lệ phí đăng kí dự tuyển và lệ phí dự thi đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

4.1. Đối tượng ưu tiên

(i) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành (căn cứ trên quyết định tiếp nhận/ điều động, biệt phái công tác của CQ có thẩm quyền); (ii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; (iii) Con liệt sĩ; (iv)



Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; (v) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành; (vi) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được UBND cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực do hậu quả của chất độc hoá học.

Người được ưu tiên cần nộp vào hồ sơ dự tuyển giấy tờ hợp lệ xác nhận thuộc đối tượng ưu tiên.

4.2. Mức ưu tiên

Thí sinh diện ưu tiên (kể cả thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả thi môn tiếng Anh (nếu phải thi) và cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) điểm vào kết quả thi môn Cơ bản.

5. Hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người có nguyện vọng dự tuyển liên hệ với trường đại học đào tạo chuyên ngành (ghi ở mục 2.1) để nhận mẫu Hồ sơ đăng ký dự tuyển; Khai, xác nhận, hoàn chỉnh hồ sơ, nộp đúng thời hạn; Tham gia lớp học bổ sung kiến thức (nếu thuộc diện phải học). Trong và sau kì thi tuyển, ĐH Thái Nguyên không nhận bổ sung, thay đổi về bất kì nội dung nào của Hồ sơ đăng ký dự tuyển. Cụ thể:

- Nhận hồ sơ từ ngày 20/5/2019 đến hết ngày 20/8/2019.
- Lệ phí đăng ký và lệ phí thi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Học phí

Học viên thạc sĩ phải nộp học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tin tuyển sinh có trên các website: <http://www.tnu.edu.vn> và <http://sdh.tnu.edu.vn>.

Nơi nhận: *Ar*

- Như kính gửi;
- Bộ GDĐT (báo cáo);
- Các CSGDDHTV;
- Website ĐHTN, SDH;
- Lưu VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS.TS. Nguyễn Hữu Công